**Bài 4**

**CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**(Truyện truyền kì – 12 tiết)**

**Văn bản 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

 **(Nguyễn Dữ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kỳ. Nêu được nội dung bao quát của văn bản.

- Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương. Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Tìm hiểu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

 - Năng lực sáng tạo: Tưởng tượng ra những tình huống có yếu tố kỳ ảo sau khi học tác phẩm.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Yêu thương, đồng cảm cho số phận của người phụ trong xã hội cũ

- Chăm chỉ: Đam mê sưu tầm và tìm hiểu thêm những tác phẩm cùng thể loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập, giấy A4

**2. Học liệu:**

- Tri thức ngữ văn.

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của văn bản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

Câu 1:

Câu 2:

**3. Bài mới**

 **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** HS định hướng được nội dung bài học, tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS, kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh để dẫn dắt vào tác phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV yêu cầu HS: Nhìn hình ảnh, đoán tên nhân vật chính trong truyện truyền kì.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** chiếu hình ảnh

**HS:** Quan sát hình ảnh và nhận xét về hình ảnh.

****

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV dẫn dắt vào bài: Trong nền văn học Việt Nam có một số lượng lớn các tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ, đa phần đều thể hiện sự cảm thương cho thân phận bất hạnh, éo le, bất công của họ, đặc biệt là số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Chuyện người con gái Nam xương là một tác phẩm như vậy.

**HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. TRI THỨC NGỮ VĂN:**

**1. Mục tiêu:**

- Học sinh nắm được đặc điểm của truyện truyền kì.

- Thấy được không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện trong truyện truyền kì.

**2. Nội dung:**

- Đặc điểm của truyện truyền kì.

**3. Sản phẩm học tập:**

**I. Tri thức ngữ văn:**

**1. Khái niệm truyện truyền kì:**

- Là thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại, phản ánh hiện thực qua yếu tố kì lạ, hoang đường, viết bằng chữ Hán, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI- XVII.

**2.Đặc điểm của truyện truyền kì:**

- Không gian trong truyện truyền kì: thế giới con người và thế giới thần thánh, ma quỷ có sự tương giao

- Thời gian truyền kì: có sự khác biệt về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti, thủy mặc hoặc nơi thượng giới.

- Nhân vật trong truyện truyền kì: nhân vật có thể là con người hay thần linh, ma quỷ…Nếu nhân vật là con người, họ thường có nét đặc biệt nào đó, nếu nhân vật là thần linh, ma quỷ, họ thường mang tính cách của con người.

- Cốt truyện trong truyện truyền kì thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ.

- Lời kể trong truyện truyền kì là lời kể của người biết hết mọi truyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**- Học sinh hoàn thành phiếu học tập:

|  |
| --- |
|  Truyện truyền kì |
| Không gian |  |
| Thời gian |  |
| Cốt truyện |  |
| Nhân vật |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trong sgk.- Yêu cầu HS khác chú ý.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét câu trả lời của HS.- Chốt nội dung cơ bản. | **I. Tri thức ngữ văn:** **1. Khái niệm truyện truyền kì:****2.Đặc điểm của truyện truyền kì:**- Không gian trong truyện truyền kì: thế giới con người và thế giới thần thánh, ma quỷ có sự tương giao- Thời gian truyền kì: có sự khác biệt về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti, thủy mặc hoặc nơi thượng giới.- Nhân vật trong truyện truyền kì: nhân vật có thể là con người hay thần linh, ma quỷ…Nếu nhân vật là con người, họ thường có nét đặc biệt nào đó, nếu nhân vật là thần linh, ma quỷ, họ thường mang tính cách của con người.- Cốt truyện trong truyện truyền kì thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ.- Lời kể trong truyện truyền kì là lời kể của người biết hết mọi truyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới. |

**II. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:**

**1.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu**:

- Học sinh nắm được tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:**

- HS tìm hiểu, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

**1.**Tìm hiểu tác giả, tác phẩm:

-Tác giả Nguyễn Dữ ( chưa rõ năm sinh, năm mất) sống vào khoảng thế kỉ XVI, quê ở huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, ông là người hoch rộng tài cao nhưng chỉ làm quan có một năm rồi về ở ẩn.

- Chuyện Người con gái Nam Xương là một trong 20 truyện tiêu biểu của ông viết về đề tài người phụ nữ trong xã hội phong kiến

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Nhiệm vụ 1:****Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**- Học sinh tìm hiểu v**ề tác giả.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả- Yêu cầu HS tìm hiểu và trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày, những học sinh khác bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét câu trả lời của HS.- Chốt những nét chính về tác giả Nguyễn Dữ.**\* Nhiệm vụ 2:** **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**Tìm hiểu những nét chính về: Xuất xứ, đề tài, thể loại của truyện…?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh chuẩn bị và trình bày.**Bước 3: Báo cáo thảo luận****GV:** Gọi một số học sinh trả lời các câu hỏi.**HS:**- Đại diện trình bày từng nội dung trong câu hỏi.- Những bạn còn lại lắng nghe và bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)****GV**:- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).**-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:****1. Tác giả:** - Chưa rõ năm sinh năm mất, sống ở thế kỉ XVI, quê ở tỉnh Hải Dương.- Ông là người học rộng tài cao nhưng chỉ làm quan một thời gian ngắn.**2. Tác phẩm:**- Xuất xứ: Từ truyện cổ tích Vợ chàng Trương. Là truyện thứ 16 trong 20 truyện của Nguyễn Dữ.- Thể loại: Truyện truyền kì. |

**1.2. Đọc- tóm tắt văn bản.**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh đọc lưu loát văn bản

- Tóm tắt được nội dung chính của văn bản

**b. Nội dung:**

- Đọc văn bản.

- Những nội dung cơ bản trong truyện

**c. Sản phẩm học tập:**

 Chuyện người con gái Nam Xương kể về cuộc đời và cái chết thương tâm của nàng Vũ Nương. Vũ Nương, quê Nam Xương, vừa đẹp người lại vừa đẹp nết, nàng được gả cho Trương Sinh, một người vốn có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Khi Trương Sinh đi lính, ở nhà, Vũ Nương hết lòng chăm lo cho mẹ chồng, con thơ và cáng đáng chuyện gia đình. Những ngày ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình trên vách bảo đó là cha Đản. Khi Trương Sinh trở về, vì nghe lời ngây thơ của con trẻ, lại đa nghi, đã nghi oan cho Vũ Nương, nàng không thể giải thích cho chồng hiểu nên đã nhảy xuống sông tự vẫn để minh chứng cho sự thủy chung của mình. Vũ Nương được Linh Phi cứu, sống tiếp đời mình ở chốn thủy cung. Tới khi gặp được Phan Lang, là người cùng làng, nàng tâm sự cùng Phan Làng rồi nhờ gửi lời cho chồng lập đàn giải oan ở bến sông thì nàng sẽ trở về. Trương Sinh theo lời lập đàn giải oan cho vợ, nhưng hình bóng Vũ Nương chỉ hiện lên chốc lát rồi loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất, nàng vĩnh viễn sống ở thủy cung, không thể quay lại nhân gian.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Nhiệm vụ 1: đọc văn bản****Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**- Hướng dẫn cách đọc.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Hướng dẫn cách đọc và đọc mẫu**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét cách đọc của HS.- Chốt cách đọc và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản.**\* Nhiệm vụ 2: tóm tắt văn bản****Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**Tóm tắt những ý chính của truyện bằng một đoạn văn khoảng 6-8 câu.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh chuẩn bị và trình bày.**Bước 3: Báo cáo thảo luận****GV:** Gọi một số học sinh tóm tắt văn bản**HS:**- Đại diện học sinh tóm tắt truyện.- Những bạn còn lại lắng nghe và bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)****GV**:- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).**-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **II. Trải nghiệm cùng văn bản:****1. Đọc.** **2. Tóm tắt**Chuyện người con gái Nam Xương kể về cuộc đời và cái chết thương tâm của nàng Vũ Nương. Vũ Nương, quê Nam Xương, vừa đẹp người lại vừa đẹp nết, nàng được gả cho Trương Sinh, một người vốn có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Khi Trương Sinh đi lính, ở nhà, Vũ Nương hết lòng chăm lo cho mẹ chồng, con thơ và cáng đáng chuyện gia đình. Những ngày ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình trên vách bảo đó là cha Đản. Khi Trương Sinh trở về, vì nghe lời ngây thơ của con trẻ, lại đa nghi, đã nghi oan cho Vũ Nương, nàng không thể giải thích cho chồng hiểu nên đã nhảy xuống sông tự vẫn để minh chứng cho sự thủy chung của mình. Vũ Nương được Linh Phi cứu, sống tiếp đời mình ở chốn thủy cung. Tới khi gặp được Phan Lang, là người cùng làng, nàng tâm sự cùng Phan Làng rồi nhờ gửi lời cho chồng lập đàn giải oan ở bến sông thì nàng sẽ trở về. Trương Sinh theo lời lập đàn giải oan cho vợ, nhưng hình bóng Vũ Nương chỉ hiện lên chốc lát rồi loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất, nàng vĩnh viễn sống ở thủy cung, không thể quay lại nhân gian. |

**III. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:**

**a. Mục tiêu:**

- Tìm hiểu nội dung của chuyện người con gái Nam Xương.

**b. Nội dung:**

- Phân tích nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh

- Các chi tiết kì ảo trong truyện truyền kì

- Các biện pháp nghệ thuật tiêu biểu.

**c. Sản phẩm học tập:**

Phần trình bày kết quả đọc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Nhân vật Vũ Nương****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Hoàn thành phiếu học tậpPhân tích những chi tiết chính về nhân vật Vũ Nương?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**GV gọi một học sinh trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.Các học sinh khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.**Nhiệm vụ 2: Nhân vật Trương Sinh****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu học tập.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.GV gợi ý**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.Các HS khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứcHS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi**Nhiệm vụ 3: Chi tiết tưởng tượng kì ảo****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu học tập:** Tìm các chi tiết kì ảo trong truyện

|  |  |
| --- | --- |
| Các chi tiết kì ảo | Tác dụng |
|  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.GV gợi ý**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.Các HS khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứcHS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi. | **III. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.****1. Nhân vật Vũ Nương.**\* Khi còn sống ở trần gian:- Là một phụ nữ nhan sắc, đức hạnh, lấy chồng là Trương Sinh.- Trương Sinh đi lính, nàng ở nhà một mình nuôi con nhỏ, sống hiếu thảo với mẹ chồng.- Chồng trở về, nghe lời con nhỏ, nghi cho nàng thất tiết nên nàng phải gieo mình xuống song Hoàng Giang.\* Khi sống dưới thủy cung:- Gặp Phan Lang, người cùng làng- Giãi bày cho Phan Lang hiểu- Lúc ẩn lúc hiện quay về trần gian.**2. Nhân vật Trương Sinh.**- Con nhà hào phú, ít học.- Một kẻ vũ phu thô bạo.- Một người chồng độc đoán, đa nghi.=> Trương Sinh điển hình cho quyền lực và tính cách người chồng trong XHPK: gia trưởng, độc đoán, coi thường nhân phẩm và mạng sống của vợ, là kẻ vũ phu, thô bạo, là hiện thân của chế độ phụ quyền bất công (giá trị hiện thực).**3. Chi tiết kì ảo trong truyện truyền kì.**- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa- Phan Lang lạc vào động rùa- Vũ Nương hiện về sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan- Những yếu tố kỳ ảo xen kẽ với những chi tiết có thực làm cho thế giới kỳ ảo, lung linh trở nên gần gũi với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy. |

**III. SAU SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh tổng kết những nét cơ bản về nội dung và nghệ thuật

**b. Nội dung:**

- Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ** - Học sinh trả lời các câu hỏi về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Yêu cầu HS tổng kết về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.- Yêu cầu HS khác chú ý.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS còn lại nghe, nhận xét về câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét câu trả lời của HS.- Chốt nội dung cơ bản. | **III. Sau suy ngẫm và phản hồi.** **1. Nội dung:****-** Phản ánh XHPK với những bất công với người phụ nữ, chiến tranh phi nghĩa- Tác phẩm là bản án đanh thép tố cáo bản chất vô nhân đạo của XHPK- Khẳng định và ngợi ca phẩm chất, tâm hồn cao đẹp truyền thống của người phụ nữ VN.-Thái độ cảm thông chân thành của nhà văn.**2. Nghệ thuật:**- Khai thác vốn văn học dân gian.- Nghệ thuật kể chuyện đầy sáng tạo:+ Những nhân vật có tính cách rõ nét, đặc biệt là Vũ Nương.+ Cách kể chuyện hấp dẫn, sử dụng yếu tố truyền kỳ, xây dựng hình ảnh “cái bóng” đầy dụng ý.- Kết thúc tác phẩm bất ngờ, không mòn sáo, hàm ý sâu sắc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

HS giải được các ô chữ liên quan đến tác phẩm.

**b. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân giải quyết các câu hỏi mà giáo viên đưa ra

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1: Nam Xương ngày nay thuộc huyện nào của tỉnh Hà Nam?**

**Câu 2: Người đã có những câu nói ngây thơ làm cho Trương Sinh hiểu lầm Vũ Nương là ai?**

**Câu 3: Tên dòng sông, nơi Vũ Nương đã gieo mình xuống đó?**

**Câu 4: Người đã cưu mang Vũ Nương ở thủy cung?**

**Câu 5: Khi gieo mình xuống song Hoàng Giang, Vũ Nương có lời thề gì nếu ở dưới nước?**

**Câu 6: Tên địa danh được dùng để gọi tên nhân vật chính?**

**Câu 7: Chuyện người con gái Nam Xương trích từ tập truyện nào của tác giả Nguyễn Dữ?**

**Câu 8: Khi không được minh oan, Vũ Nương rơi vào trạng thái nào?**

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Lý Nhân

Câu 2: Bé Đản

Câu 3: Hoàng Giang

Câu 4: Linh Phi

Câu 5: Ngọc Mỵ Nương

Câu 6: Nam Xương

Câu 7: Truyền kì mạn lục

Câu 8: Sức cùng lực kiệt

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Hiểu được kiến thức trong bài để vận dụng vào thực tế

**b. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:**

Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:**

Từ Chuyện người con gái Nam Xương, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của em về than phận người phụ nữ trong xã hội xưa?

**Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chuẩn bị và hoàn thành nhiệm vụ

**Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV khuyến khích học sinh hoàn thành sản phẩm trên lớp

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét và tuyên dương các bài viết tiêu biểu.

**4. Nhận xét, dặn dò:**

GV nhận xét tiết học

\* Đối với tiết học này:

- Đặc điểm của truyện truyền kì

- Tóm tắt Chuyện người con gái Nam Xương

- Phân tích giá trị nội dung của truyện.

\* Đối với tiết sau:

- Đọc văn bản Truyện lạ nhà thuyền chài

- Trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi trang 104

- Tìm các chi tiết kì ảo.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Bài 4**

**CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**(Truyện truyền kì – 12 tiết)**

**Văn bản 2: TRUYỆN LẠ NHÀ THUYỀN CHÀI**

- Lê Thánh Tông-

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm truyện truyền kì; đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện.

- Lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Cách đọc thể loại truyện truyền kì.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

- Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về VB.

**2.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

\* Lồng ghép ĐĐLS: Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**3. Phẩm chất:** Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu; Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Có hứng thú về chủ điểm bài học Con người trong thế giới kì ảo. Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

**b. Nội dung:**

Văn học dân gian Việt Nam có nhiều tác phẩm đề cao phẩm chất cao đẹp (như sống chung thủy, tình nghĩa, vị tha…) của người Việt Nam, nhất là người phụ nữ. Hãy chia sẻ với các bạn về một nhân vật phụ nữ mà em đã đọc và trân trọng.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

 (như mục nội dung)

**\*Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ:

 - HS chia sẻ cảm nghĩ

**\*Bước 3:** Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi

**\*Bước 4:** Kết luận, nhận định:

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |
| --- |
| **Hoạt động 2.2: Trải nghiệm cùng văn bản****a.Mục tiêu:** - Liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB, bước đầu dự đoán được nội dung VB.**b.Nội dung:** (1) GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB.(2) Yêu cầu HS: Trong quá trình đọc VB, khi gặp những câu hỏi trong khung, tạm dừng khoảng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi *Theo dõi, Suy luận, Dự đoán, Đánh giá* bằng cách ghi nhanh, vắn tắt câu trả lời ra giấy. **c. Sản phẩm:** Phần ghi chép của HS cho câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*. **d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** - HS làm việc theo nhóm. - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).***\*B3: Báo cáo, thảo luận:*** - Đại diện nhóm báo cáo. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của HS. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **II. Trải nghiệm cùng văn bản****1. Đọc****2. Tìm hiểu chung****a. Tác giả? Sgk/96****b. Tác phẩm**- Thể loại: Truyện truyền kì |
| **\*Hoạt động 2.3: Suy ngẫm và phản hồi****a. Mục tiêu:** - Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các sự kiện, nhân vật, không gian và thời gian trong truyện. **b. Nội dung:****1/ (NV1) Thảo luận nhóm đôi: Tóm tắt theo các sự kiện chính của văn bản****Hoàn thành PHT số 1**A diagram of a diagram  Description automatically generated ***Nhận xét về cách sắp xếp*** các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo trật tự thời gian, không gian: ..................................................................................................................................**2/ (NV2) Hoàn thành PHT số 2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU VỀ NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Về việc chọn nghề của Thúc Ngư** | **Về tính cách nhân vật Ngoạ Vân** |
| Đồng tình/ không đồng tình: …................. | Tính cách của Ngoạ Vân: ….................. |
| Lí giải: |  Nhận xét: |

 |

**3/ (V3) Hoàn thành PHT số 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng khắc hoạ nhân vật** | **Tác dụng thể hiện chủ đề** |
| *Nhân vật và thế giới kì ảo*: ………….. | …………. | ………….. |
| *Hành động kì ảo*: ………………………… |

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS **d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung(NV1)***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***- HS làm việc cá nhân, nhóm- GV quan sát, gợi mở(nếu cần)***\*B3: Báo cáo, thảo luận:*** - Đại diện nhóm trình bày. - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **II. Suy ngẫm và phản hồi****1/ Nội dung câu chuyện, không gian, thời gian và nhân vật trong truyện****a) Nội dung câu chuyện, không gian, thời gian**- Nội dung(Sgk)🡪 Các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo trình tự thời gian xảy ra các sự kiện, kết hợp không gian thực với không gian ảo. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung(NV2)***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***- HS làm việc cá nhân, nhóm- GV quan sát, gợi mở(nếu cần)***\*B3: Báo cáo, thảo luận:*** - Đại diện nhóm trình bày. - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS. \* Lồng ghép ĐĐLS: Nhìn nhận, đánh giá một vấn đề từ nhiều khía cạnh, góc nhìn khác nhau; Thận trọng trong đánh giá và nhận xét người khác | **b. Nhân vật Thúc Ngư:**- Quan niệm đơn giản của Thúc Ngư: Phải lấy động cơ, hiệu quả thực tế (giúp cha mẹ đánh được nhiều cá, bớt lam lũ, vất vả) làm mục đích để quyết định có đi học hay không. - Mục đích của việc học là để giúp cha mẹ kiếm sống bằng nghề cá thuận lợi hơn. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung(NV2)***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***- HS làm việc cá nhân, nhóm- GV quan sát, gợi mở(nếu cần)***\*B3: Báo cáo, thảo luận:*** - Đại diện nhóm trình bày. - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS. \* Lồng ghép ĐĐLS: GD HS lòng yêu thương con người; giữ gìn, bảo tồn, phát huy trân trọng các giá trị văn hóa, của dân tộc ( nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam: thùy mị, nết na, giỏi giang…) |  **c) Tính cách của nhân vật Ngoạ Vân:**- Thuỳ mị, nết na, tháo vát, giỏi giang.- Trong bốn năm làm dâu, chăm chỉ chung sức gây dựng cơ đồ nhà chồng và là chỗ dựa vững chắc cho công việc đánh cá, giúp nhà chồng giàu có lên.- Khi tai hoạ xảy ra, nàng đã hết lòng và xả thân cứu sống cả gia đình nhà chồng cùng gia sản của họ.- Thể hiện tình nghĩa vẹn toàn, chu đáo khi bắt buộc phải từ giã gia đình nhà chồng.- Thể hiện phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống qua từng lời nói, hành vi ứng xử của nàng. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** *(NV 3)****\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***- HS làm việc cá nhân, nhóm- GV quan sát, gợi mở(nếu cần)***\*B3: Báo cáo, thảo luận:*** - Đại diện nhóm trình bày. - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2. Yếu tố kì ảo và ngôn ngữ của văn bản.****a. Yếu tố kì ảo:***- Nhân vật và thế giới kì ảo*: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác ở trần gian.*- Hành động kì ảo*: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân.**b.Tác dụng:**- Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người- Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm của truyện truyền kì

**b. Nội dung:**

Truyện lạ nhà thuyền chài có phải là truyện truyền kì không? Dựa vào đâu em có thể khẳng định như vậy?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân.

 - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

 ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định:***

 - GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS. => Chốt kiến thức.

- Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**b. Nội dung:** *Nhóm HS thảo luận câu 7 trong SGK.*

**c. Sản phẩm**: Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*B 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ** ( Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung).

**\*B 2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**

 HS thực hiện bài theo kĩ thuật khăn trải bàn.

**\*B 3.** **Báo cáo, thảo luận**:

Mời các HS có ý kiến khác nhau trình bày quan điểm của mình.

**\*B 4. GV kết luận, nhận định**: GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

**Bài 4**

**CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**(Truyện truyền kì – 12 tiết)**

**Đọc mở rộng thể loại: DẾ CHỌI**

 **(Bồ Tùng Linh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

– Khái niệm truyện truyền kì; đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện.

– Lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

– Cách đọc thể loại truyện truyền kì.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 – Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

 – Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về VB.

**b. Năng lực đặc thù:**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**3. Phẩm chất:**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

– SGK, SGV.

– Clip liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu clip.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– PHT.

– Sơ đồ, biểu bảng.

**2. Học liệu:**

* Tri thức ngữ văn.
* Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của văn bản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn đinh lớp**

**2. Kiểm tra bà cũ**

**3. Bài mới**

 **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu:** HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm văn học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Những hiểu biết về trò chơi chọi dế.

- Hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi dế: có thể gây ra nhiều hậu quả tiêu cực đối với nhà vua, nhân dân và đất nước.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV yêu cầu HS:

GV cho HS thảo luận câu hỏi:

- Em hiểu gì về trò chơi dế chọi?

- Em suy nghĩ thế nào về hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi dế?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** nêu câu hỏi

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV dẫn dắt vào bài.

**HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)**

**I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:**

**1.1. Đọc:**

**1.2. Tìm hiểu chung:**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì trong truyện Dế chọi như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

**b. Nội dung:**

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**- Hướng dẫn cách đọc.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Yêu cầu HS đọc mẫu- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc**HS** đọc mẫu**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét cách đọc của HS.- Chốt cách đọc và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản.**\* Tìm hiểu chung về văn bản****Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**- GV mời HS trình bày ngắn gọn thông tin về nhà văn Bồ Tùng Linh và tác phẩm Liêu Trai chí dị (HS đã chuẩn bị ở nhà).- GV hỏi: Em đã tìm hiểu đặc điểm của truyện truyền kì, đã học tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương, em hãy định hướng cách đọc truyện Dế chọi.- GV yêu cầu HS đọc VB và trao đổi về một số từ ngữ khó.- GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi: Tóm tắt nội dung câu chuyện theo diễn biến của các sự kiện trong văn bản và cho biết các sự kiện ấy dược sắp xếp theo trật tự thời gian, không gian như thế nào.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh chuẩn bị và trình bày.**Bước 3: Báo cáo thảo luận****GV:** Gọi một số học sinh trả lời các câu hỏi.**HS:**- Đại diện trình bày từng nội dung trong câu hỏi.- Những bạn còn lại lắng nghe và bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)****GV**:- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).**-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:****1. Đọc.** **2. Tìm hiểu chung**a. Tác giả Bồ Tùng Linh- Bồ Tùng Linh (1640 - 1715) là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc thời nhà Thanh.- Liêu Trai chí dị là tập sách gồm gần 500 truyện, khai thác cốt truyện từ truyện dân gian và những truyện kì lạ, hoang đường của một số tác giả thời trước.b. Định hướng cách đọc truyện truyền kì Khi đọc truyện truyền kì, cần tóm tắt truyện, xác định không gian, thời gian trong truyện, tìm hiểu các nhân vật, chỉ ra tác dụng của các chi tiết kì ảo, nêu chủ đề của truyện,...c. Tóm tắt:Thành Danh – một chức dịch hiền lành không dám bổ bán dân chúng tìm dế chọi dâng vua nên phải tự đi tìm dế chọi. Bi kịch của gia đình anh bắt nguồn từ đó. Bọn quan lại muốn lấy lòng vua nên đem dâng vua con dế chọi. “Vua thấy chọi hay quá đòi phải cung tiến th¬ường xuyên”. Vì phải tìm mua dế dâng vua mà bao gia đình lâm vào thảm cảnh. Nhiều gia đình khuynh gia bại sản khi đến lượt nộp dế. Một trong những thảm cảnh do lệ nộp dế chọi gây ra chính là thảm kịch của gia đình Thành Danh. Thành Danh hiền lành nên không dám sách nhiễu dân chúng, lo lắng quá nên phải tự đi tìm dế. Tìm mãi không được, hạn nộp dế đã hết, Thành Danh bị quan phạt, bị đánh đập, lo lắng muốn tự vẫn. Vợ Thành đi xem bói, biết nơi có dế tốt. Thành đã bắt được một con dế chọi như ý. Nhưng không may con Thành làm dế bị chết. Bị mẹ mắng, nó sợ hãi nhảy xuống giếng và bị chết đuối. Thành mất con, mất dế. Con Thành sống lại nhưng vô hồn. Hồn con Thành hoá thân vào con dế chọi. Dế nhỏ nhưng nhanh nhẹn và chọi rất giỏi. Dế mang dâng vua, chọi giỏi lại biết nhảy múa, vua rất vừa lòng và ban thưởng cho quan tỉnh. Gia đình Thành Danh được giàu sang phú quý, “Ruộng đồng trăm khoảnh… ngựa xe vượt cả các bậc quyền thế.Các sự kiện trong văn bản được sắp xếp theo trình tự hợp lí, phù hợp. Không theo dòng thời gian trước sau nhưng đó là ý đồ của tác giả, nhằm giải thích và tạo ấn tượng cho câu chuyện. |

**II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:**

**a. Mục tiêu:**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**b. Nội dung:**

* Câu chuyện trong văn bản cho thấy tục lệ dâng tiến dế quý cho quan lại, vua chúa đã tác động đến đời sống của các hạng người trong xã hội đương thời.
* Điểm tương đồng, khác biệt vẻ số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan.
* Một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản và tác dụng của yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:**

Bảng tóm tắt các yếu tố trong đặc điểm của truyện truyền kì qua VB Dế chọi.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Câu chuyện trong văn bản cho thấy tục lệ dâng tiến dế quý cho quan lại, vua chúa đã tác động đến đời sống của các hạng người trong xã hội đương thời.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Câu chuyện trong văn bản cho thấy tục lệ dâng tiến dế quý cho quan lại, vua chúa đã tác động như thế nào đến đời sống của các hạng người trong xã hội đương thời?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.Các học sinh khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.**Nhiệm vụ 2: Điểm tương đồng, khác biệt vẻ số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**Phân tích điểm tương đồng, khác biệt vẻ số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.GV gợi ý**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.Các HS khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứcHS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.**Nhiệm vụ 3: Một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản và tác dụng của yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**Chỉ ra một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản và tác dụng của yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.GV gợi ý**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.Các HS khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứcHS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.****1. Câu chuyện trong văn bản cho thấy tục lệ dâng tiến dế quý cho quan lại, vua chúa đã tác động đến đời sống của các hạng người trong xã hội đương thời:**Câu chuyện trong văn bản cho thấy tục lệ dâng tiến dế quý cho quan lại, vua chúa đã làm nhiễu nhương xã hội, bách tính khó khăn và rơi vào lầm than, nhiều gia đình khuynh gia bại sản khi đến lượt nộp dế. Vua quan không quan tâm đến đời sống bách tính mà chỉ lo hưởng thú vui hoan lạc của bản thân mình. Qua đó ta thấy sự thối rữa và mục nát của vua quan xưa.**2. Điểm tương đồng, khác biệt vẻ số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan.**Điểm tương đồng, khác biệt vẻ số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan:Trước đó, gia đình Thành Danh đã khốn đốn vì “Anh ta vốn người chất phác, ít nói, cho nên bị bọn hương chức quyền thế ép phải giữ chân chức dịch trong làng. Tuy muôn phương nghìn kế chối từ mà vẫn không thoát. Mới chưa đầy một năm mà cái gia sản nhỏ mọn của anh ta cơ hồ đã kiệt”. Thành Danh “lo buồn quá chỉ muốn chết đi cho rảnh”. Không dám sách nhiễu dân làng nộp dế, Thành phải tự đi tìm, không tìm được dế, anh đã bị quan phạt đòn: “đôi mông máu me bê bết mà chẳng có con dế nào để nộp… chỉ còn nghĩ đến chuyện tự tử mà thôi”.Thế nhưng số phận của Thành Danh cũng hé sáng khi vợ Thành Danh được cô đồng chỉ nơi có dế. Thành Danh tìm được dế tốt, nhưng con dế ấy lại gây ra thảm kịch thứ hai, bi thảm hơn của gia đình anh. Đó là cái chết của đứa con trai. Tai hoạ ập lên tai hoạ. Người cha không tìm được dế muốn “chết quách cho rảnh”, con trai vô tình làm dế chết, sợ hãi quá nhảy xuống giếng chết đuối. Khi thấy xác con dưới giếng, Thành Danh “chuyển giận thành thương”, “vật vã kêu trời muốn chết”. Sau đó nỗi lo lắng làm cho Thành Danh “nhìn cái lồng dế rỗng không lại như đứt hơi, tắc họng, không nghĩ gì đến con nữa, Thành nằm dài, lòng buồn rười rượi”.=> Trước khi tìm được dế chàng đã khốn khổ, sau khi tìm được dế rồi làm mất, chàng lại rơi vào bế tắc.**3. Một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản và tác dụng của yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm:**Một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản:- con trai hóa thành dế- con dế biết lấy lòng quan- chỉ vì con dế mà Thành Danh được ban thưởng hậu hĩnh- …Tác dụng: Nó vừa thể hiện được sự bấp bênh của số phận những người dân lao động nghèo, vừa tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện. Số phận, sự sống chết, nghèo hèn hay giàu sang của người dân thấp cổ bé họng hoàn toàn phụ thuộc vào niềm vui hay sự phật ý thất thường của giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc thời Tuyên Đức. Những tình huống may rủi mà Thành Danh từng gặp trong tác phẩm làm cho câu chuyện tăng phần hấp dẫn nhưng về nội dung lại khiến người đọc phải suy nghĩ về cuộc sống con người trong xã hội đương thời. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

HS làm được một số bài tập sau khi học xong văn bản.

**b. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân giải quyết các câu hỏi mà giáo viên đưa ra.

**c. Sản phẩm:**

Những dấu hiệu giúp em nhận biết Dế chọi là truyện truyền kì:

Dế chọi là truyện truyền kì vì nó là câu chuyện kì lạ được ghi chép tản mạn, có yếu tố hoang đường kì ảo, nhân vật khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Nó kể ra câu chuyện ngắn gọn với một số chi tiết li kì, biến ảo về việc gia đình Thành Danh tìm bắt, nuôi nấng dế chọi để cống nạp cho nhà vua.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**

Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết Dế chọi là truyện truyền kì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.

GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

HS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:**

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống.

**c. Sản phẩm:**

Theo em, nếu bỏ đi phản “lời bàn của tác giả” ở cuối truyện thì việc đọc hiểu truyện Dế chọi có khó khăn trong việc hiểu về nguồn gốc của con dế và khó lí giải cho việc nhận thưởng của Thành Danh. Đồng thời không thể hiện hết ý của tác giả: khao khát cuộc sống hạnh phúc nên phải hi sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:**

Theo em, nếu bỏ đi phản “lời bàn của tác giả” ở cuối truyện thì việc đọc hiểu truyện Dế chọi có khó khăn/ thuận lợi gì?

**Thực hiện nhiệm vụ:**

HS vẽ tranh.

**Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV khuyến khích học sinh hoàn thành sản phẩm.

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét và tuyên dương sản phẩm của học sinh.

**4. Nhận xét, dặn dò:**

GV nhận xét tiết học.

\* Đối với tiết học này: Dế chọi

– Khái niệm truyện truyền kì; đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện.

– Lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

– Cách đọc thể loại truyện truyền kì.

\* Đối với tiết sau:

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh:

Liên hệ kết nối với văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” và “Truyện lạ nhà thuyền chài” để hiểu hơn về chủ điểm “Con người trong thế giới kỳ ảo”.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Bài 4**

**CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**(Truyện truyền kì – 12 tiết)**

**Đọc kết nối chủ điểm: SƠN TINH, THUỶ TINH**

 **(Nguyễn Nhược Pháp)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu bài thơ.

- Liên hệ kết nối với văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” và “Truyện lạ nhà thuyền chài” để hiểu hơn về chủ điểm “Con người trong thế giới kỳ ảo”.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 – Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

 – Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về VB.

**b. Năng lực đặc thù:**

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**3. Phẩm chất:**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Máy tính, máy chiếu.

- Bảng phụ.

**2. Học liệu:**

- Tri thức ngữ văn.

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của văn bản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn đinh lớp**

**2. Kiểm tra bà cũ**

**3. Bài mới**

 **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu:** HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm văn học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Một số hình ảnh: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Thánh Gióng,...

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV yêu cầu HS: Nhìn hình ảnh, đoán tên các nhân vật trong truyện truyền thuyết.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** chiếu hình ảnh

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.



 **Sơn Tinh, Thủy Tinh Con Rồng cháu Tiên**



 **Thánh Gióng Trọng Thủy Mỵ Châu**

(Nguồn: https://www.bachhoaxanh.com/kinh-nghiem-hay/top-10-truyen-thuyet-viet-nam-hay-nhat-vo-cung-y-nghia-1473460)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV dẫn dắt vào bài: Các nhân vật có phép thuật cao cường như Sơn Tinh, Thuỷ Tinh không chỉ xuất hiện trong truyện truyền thuyết mà còn được khắc hoạ trong một bài thơ hiện đại của Nguyễn Nhược Pháp.

**HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)**

**I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:**

**1.1. Đọc:**

**1.2. Tìm hiểu chung:**

**a. Mục tiêu**:

- Kết nối về chủ đề Thế giới kì ảo: HS cảm nhận được tính chất kì ảo trong câu chuyện được kể bằng thơ, củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ hiện đại.

**b. Nội dung:**

HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

**I.** Tìm hiểu chung

- Tác giả Nguyễn Nhược Pháp (1914 - 1938) quê ở Hà Nội. Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại, nổi bật nhất là thơ.

- Sơn Tinh - Thuỷ Tinh được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nguyễn Nhược Pháp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**- Hướng dẫn cách đọc.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Yêu cầu HS đọc mẫu- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc**HS** đọc mẫu**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét cách đọc của HS.- Chốt cách đọc và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản.**\* Tìm hiểu chung về văn bản****Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**Trình bày kết quả tìm hiểu của em về tác giả Nguyễn Nhược Pháp và tác phẩm “Sơn Tinh - Thuỷ Tinh”?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh chuẩn bị và trình bày.**Bước 3: Báo cáo thảo luận****GV:** Gọi một số học sinh trả lời các câu hỏi.**HS:**- Đại diện trình bày từng nội dung trong câu hỏi.- Những bạn còn lại lắng nghe và bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)****GV**:- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).**-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:****1. Đọc.** **2. Tìm hiểu chung**- Tác giả Nguyễn Nhược Pháp (1914 - 1938) quê ở Hà Nội. Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại, nổi bật nhất là thơ.- Sơn Tinh - Thuỷ Tinh được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nguyễn Nhược Pháp. |

**II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:**

**a. Mục tiêu:**

Báo cáo sản phẩm Đọc kết nối chủ điểm tại lớp.

**b. Nội dung:**

* Một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản.
* Khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.
* Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:**

Phần trình bày kết quả đọc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Liệt kê và nêu tác dụng của một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.Các học sinh khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.**Nhiệm vụ 2: Khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**Phân tích một số hình ảnh, chi tiết thể hiện khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.GV gợi ý**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.Các HS khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứcHS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.**Nhiệm vụ 3: Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.GV gợi ý**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.Các HS khác theo dõi và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứcHS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.****1. Một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản:****a. Một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản:** **-** Theo sau năm chục con voi xámHục hặc, lưng cong phủ gấm điều!,Tải bạc, kim cương, vàng lấp loáng,Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.- Thuỷ Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,Yên gấm tung dài bay đỏ choé,Mình khoác bào xanh da giời quang.Theo sau cua đỏ và tôm cá,Chia đội năm mươi hòm ngọc trai.- Thuỷ Tỉnh thúc rồng đau kêu rúTức thời nước sủi reo như thác,Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa!.- Sóng cả gầm reo lăn như chớp,Thuý Tỉnh cưỡi lưng rồng hung hăng.- Thuý Tỉnh năm năm dâng nước bể,Đục núi hò reo đòi Mỵ Nương.**b. Tác dụng:** Tạo ra hình ảnh huyền bí, tượng trưng cho sức mạnh phi thường và vị thế quyền lực của cả Sơn Tinh và Thuỷ Tinh trong thế giới tưởng tượng. Đồng thời tác giả dân gian muốn giải thích hiện tượng lũ lụt, thể hiện sức mạnh, mong ước của người Việt cổ muốn chế ngự thiện tai.**2. Khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.**Hình ảnh, chi tiết thể hiện khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam:- My Nương bên lầu son tựa cửa/ Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng -> xưa kia con của vua (công chúa) ở trong lầu son, là biểu tượng của sự giàu có và quý phái. Hình ảnh này thường gắn liền với cuộc sống thượng lưu và sang trọng. Rèm ngọc lơ và áo hồng là những chi tiết trang trí tinh tế, thường chỉ xuất hiện trong những không gian sang trọng và dành cho những người có địa vị cao. Màu áo hồng thường được liên kết với sự dịu dàng và nữ tính.- Sơn Tinh đến lạy chào bên cửa,/ Vua thân ngự đón nàng Mỵ Nương -> Sơn Tinh đến hỏi cưới Mị Nương, kính chào trước vua. - Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoăn thoắt => Lễ cưới của công chúa không chỉ là việc lớn của hoàng gia, mà còn là chuyện hệ trọng của cung đình, đất nước. Khi kiệu hoa tới trước cửa, công chúa bước ra, bên trong, phò mã đã chờ sẵn bên kiệu, tự tay vén màn mời công chúa lên. Như vậy, theo tục lệ xưa, công chúa xưa kia khi được cưới về, thường có kiệu rước dâu.(Một số chi tiết phản ánh tục thi tài kén rể, cảnh dẫn lễ vật, tình cảnh lưu luyến, bịn rịn của cô dâu – bố, mẹ cô dâu, cảnh rước dâu,... Nhờ các chi tiết đó, bài thơ đã làm sống dậy khung cảnh cuộc sống ngày xưa và nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.)**3. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản:**a. Chủ đề của văn bản: * Vua Hùng kén rể.
* Cuộc thi tài hỏi vợ và tranh chấp Mị Nương của hai vị thần Sơn Tinh, Thủy Tinh.
* Thông qua cuộc thi tài của hai vị thần Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, tác giả lí giải hiện tượng lũ lụt theo quan niệm dân gian.

b.Cảm hứng chủ đạo của văn bản: Ngợi ca việc vua Hùng chọn rể hiền tài, tài năng, tinh thần thượng võ của Sơn Tinh, bày tỏ niềm ngạc nhiên trước việc thần linh đi hỏi vợ, hờn ghen chẳng khác gì người trần gian. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

HS làm được một số bài tập sau khi học xong văn bản.

**b. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân giải quyết các câu hỏi mà giáo viên đưa ra.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật được miêu tả** | **Chi tiết trong Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Chi tiết trong Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (truyền thuyết)** |
| Nhân vật Sơn Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói, giống con người.Ví dụ: Sơn Tinh ngồi Bạch hổ đi đầu/ Mình phủ áo bào hồng ngọc dát/ Tay ghì cương hổ tay cầm lau. | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói. |
| Nhân vật Thuỷ Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói, giống con người.Ví dụ: Thủy Tinh ngồi trên lựng rồng vàng/ Yên gấm tung dài bay đỏ chóe./ Mình khoác bào xanh da trời quang | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói. |

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**

Tìm một số chi tiết cho thấy sự khác biệt về cách miêu tả nhân vật trong văn bản Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (thơ Nguyễn Nhược Pháp) và văn bản Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (truyền thuyết).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật được miêu tả** | **Chi tiết trong Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Chi tiết trong Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (truyền thuyết)** |
| Nhân vật Sơn Tinh |  |  |
| Nhân vật Thuỷ Tinh |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.

GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

HS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:**

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống.

**c. Sản phẩm:**

Tranh vẽ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:**

Vẽ tranh thể hiện một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

**Thực hiện nhiệm vụ:**

HS vẽ tranh.

**Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV khuyến khích học sinh hoàn thành sản phẩm.

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét và tuyên dương sản phẩm của học sinh.

4. Nhận xét, dặn dò:

GV nhận xét tiết học.

\* Đối với tiết học này:

Liên hệ kết nối với văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” và “Truyện lạ nhà thuyền chài” để hiểu hơn về chủ điểm “Con người trong thế giới kỳ ảo”.

\* Đối với tiết sau:

Thực hành tiếng Việt:

Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm trong hoạt động học tập.

**1.2. Năng lực đặc thù**

Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

**II. KIẾN THỨC**

Cách dẫn và dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– SGK, SGV.

– Phiếu K-W-L (Hoạt động mở đầu), PHT.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung cột K và W trong phiếu K-W-L; câu trả lời miệng của HS về nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Đọc nhanh nội dung phần *Tri thức Ngữ văn* (Tri thức tiếng Việt) và *Thực hành tiếng Việt* để xác định nhiệm vụ học tập. *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 HS trình bày. *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS, giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập.  |

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP số 1 |
| **K** | **W** | **L** |
|  |  |  |

 |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: *CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫnvà cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS theo nội dung nhiệm vụ học tập.

**c*. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* (1)HS đọc *Tri thức tiếng Việt* trong SGK thực hiện PHT số 2 | **(1)** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP số 2: TÌM HIỂU VỀ VIỆC DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Khái niệm** | **Dấu hiệu nhận biết** | **Nêu ví dụ** |
| Dẫn trực tiếp | Là việc nhắc lại nguyên văn lời nói, suy nghĩ của nhân vật hay một người nào đó.  | Thường được đặt trong dấu ngoặc kép. | Tục ngữ đã có câu: “Lá lành đùm lá rách”. |
| Dẫn gián tiếp | Là việc thuật lại lời nói hay nêu lại ý nghĩ của người hoặc nhân vật khác.  | Lời dẫn gián tiếp thường sẽ có những điều chỉnh thích hợp ở trong đoạn văn và chúng không đặt bên trong dấu ngoặc kép. | Thúy Ngân bảo là ngày mai bạn ấy không đến được. |

 |

|  |  |
| --- | --- |
| (2) Nhóm 2 HS tìm sự khác nhau trong cách dẫn lời nói của nhân vật trong hai ví dụ sau:a. Thành xem trăn trở, tự nhủ: "Phải chăng bức vẽ này chỉ cho ta chỗ bắt dế?"b. Đoạn “Rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than rằng: Kẻ bạc mệnh này, ...”.*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự từ (1) 🡪 (2). *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS trình bày sản phẩm. *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu được giao, đồng thời chốt kiến thức. | (2)a. Lời dẫn trực tiếp thuật lại ý nghĩ của nhân vật: "Phải chăng bức vẽ này chỉ cho ta chỗ bắt dế?"b. Lời dẫn trực tiếp thuật lại lời nói của nhân vật: Kẻ bạc mệnh này, ... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động luyện tập**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng được một số đặc điểm cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp khi tạo lập VB.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời bài tập 1, 2, 3 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trong SGK.*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS lần lượt thực hiện các bài tập.*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS báo cáo kết quả thực hiện, các HS khác trao đổi, bổ sung.*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS | **Bài tập 1:** **–** Lời dẫn: *Nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chọi lấy một tiếng cười*.– Cách dẫn: Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép nhắc lại nguyên văn ý nghĩ của nhân vật Thành.**Bài tập 2:**a. 5 lần. Trong 5 lần cụm từ “cụ lớn” được sử dụng trong lời thoại của ông Giuốc-đanh, có 3 lần là lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và 2 lần là lời dẫn gián tiếp. (Ông Giuốc-đanh – "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây).b. Cách ông Giuốc-đanh sử dụng cụm từ cụ lớn lặp đi lặp lại thể hiện ông ta rất thích thú, hài lòng khi được thợ phụ gọi mình như vậy; qua đó cho thấy nét tính cách "trưởng giả học làm sang" của ông ta.c. Đoạn văn sau dùng cách dẫn trực tiếp thứ hai: Biết ông Giuốc-đanh là "trưởng giả học làm sang", gã thợ phụ bèn nghĩ cách dùng lời nịnh nọt ngọt ngào để vòi tiền ông ta:*– Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.*Nghe vậy, ông Giuốc-đanh vô cùng đắc ý. Ông thốt lên:*– "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.***Bài tập 3:**a. Lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích được Nguyễn Dữ sử dụng cách dẫn trực tiếp bằng dấu hai chấm và đặt lời nói của lời nói của Vũ Nương sau gạch đầu dòng. b. Theo cách dẫn gián tiếp, lời nói của nhân vật Vũ Nương có thể được thuật lại như sau: Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.Chàng vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào. Vũ Nương nói cho Trương Sinh biết rằng nàng đã thề sống chết không bỏ Linh Phi, rằng rất đa tạ chàng nhưng nàng chẳng trở về nhân gian được nữa.Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.c. Điểm khác biệt giữa lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích trên và phần thuật lại của HS: một bên là lời dẫn cách dẫn trực tiếp; một bên là lời dẫn cách dẫn gián tiếp. |

**2. Hoạt động khái quát nội dung bài học và vận dụng**

***a. Mục tiêu:***

- Rút ra được những lưu ý về sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

- Vận dụng lời dẫn vào trong cuộc sống.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* (1) Mỗi HS ghi ít nhất một ý trả lời cho hai câu hỏi sau: – Em đã học được những điều gì về sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp?– Trong giao tiếp, khi dùng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, em đã rút ra được những lưu ý gì?(2) Tìm trong bài thơ có lời dẫn trực tiếp.(3) Viết đoạn thoại có lời dẫn, phân loại.*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ. *\* Báo cáo, thảo luận:* GV mời một vài nhóm trả lời câu hỏi. \* *Kết luận, nhận định:*GV tổng kết câu trả lời của HS, trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra lưu ý: khi đọc truyện truyền kì và về những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói. | 1. Hs dựa vào tri thức ngữ văn trả lời câu hỏi
2. Đoạn thơ:

“Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:* *Bố ở chiến khu bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ**Cứ bào* *nhà vẫn được bình yên*”(Bếp lửa – Bằng Việt)* Lời dẫn trực tiếp (thấy được đức hy sinh của người bà)
1. HS trình bày đoạn thoại có lời dẫn theo Bảng kiểm sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Nội dung | * Đoạn thoại hoàn chỉnh
* Có dùng lời dẫn
 |  |  |
| Hình thức | * Lượng câu
* Nói to, rõ
 |  |  |

 |

**VIẾT MỘT TRUYỆN SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**1.2. Năng lực đặc thù**

Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

**2. Phẩm chất**

Phát triển khả năng tự chủ thông qua khả năng kiểm soát bài viết dựa trên bảng kiểm.

**II. KIẾN THỨC**

– Kiến thức về kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo, mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

– Cách viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu bài: bài kể chuyện sáng tạo.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Em đã học những câu chuyện nào được kể lại từ một tác phẩm truyện có sẵn chưa? Hãy kể tóm tắt lại câu chuyện ấy? Câu chuyện này có ý nghĩa gì khác so với câu chuyện gốc ban đầu?*

*-* GV cho HS tham khảo câu chuyện: *“Sơn Tinh Thủy Tinh thời nay”* của tác giả Dương Văn Ni

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Giới thiệu kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được kiểu bài viết bài văn Kể chuyện sáng tạo

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK HS thảo luận theo nhóm (2 bàn 1 nhóm)? Bài văn *Viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện* là kiểu bài gì và có những yêu cầu gì?? Vẽ sơ đồ bố cục kiểu bài.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 1 HS của nhóm trình bày nội dung từng phần - Các nhóm treo sơ đồ, sau đó cả lớp thảo luận.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Yêu cầu đối với kiểu bài văn** **1. Khái niệm**Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc là dùng trí tưởng tượng và kĩ năng kể chuyện của người viết để viết một truyện kể bằng cách phỏng theo một truyện đã đọc với những sáng tạo, kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể.**2.** **Yêu cầu đối với kiểu bài:**Ở bài học này em sẽ được thực hành viết bài văn kể chuyện sáng tạo, qua đó vừa củng cố kĩ năng đọc hiểu tiếp nhận thể loại tự sự vừa tiếp tục phát triển kĩ năng kể chuyện sáng tạo. |

Vẽ sơ đồ dàn ý cho bài viết:

**Mở đầu truyện**

– Bối cảnh xảy ra câu chuyện:

...................................................................

– Nhân vật chính:

.....................................................................

**Diễn biến truyện**

– Sự việc thứ nhất

...................................................................

– Sự việc thứ hai

..................................................................

– Sự việc thứ ....

...................................................................

**Kết thúc truyện**

Vấn đề được giải quyết

...................................................................

hoặc trình bày những suy ngẫm

...................................................................

**PHIẾU TÌM Ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Truyện gốc** | **Truyện mô phỏng** |
| Tên truyện |  |  |
| Các tình tiết, sự kiện chính |  |  |
| Bối cảnh câu chuyện |  |  |
| Các nhân vật |  |  |
| Ngôi kể |  |  |
| Chủ đề |  |  |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được yêu cầu của kiểu bài viết bài văn kể chuyện sáng tạo

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn kể chuyện sáng tạo

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận*+* HS tóm tắt truyện *Sự tích con trâu* trong SGK dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà: tìm đọc toàn văn truyện *Sự tích con trâu*.+ Đọc thầm VB *Con trâu* trong SGKSo sánh những điểm giống và khác nhau giữa truyện *Sự tích con trâu* và VB *Con trâu.*? Tính sáng tạo của văn bản truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm nào? ? Chỉ ra một số chi tiết cho thấy văn bản truyện kể trên có kết hợp khéo léo các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện. ?Văn bản trên đã đáp ứng những yêu cầu về nội dung đối với các phần mở đầu truyện, diễn biến truyện, kết thúc truyện như thế nào? ? Qua văn bản trên, em rút ra được những lưu ý gì khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc?**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏiTính sáng tạo:- Trong *Sự tích con trâu*:+ Ngọc Hoàng sai một vị thần mang hai túi hạt giống, một túi đựng hạt giống ngũ cốc, một túi đựng hạt giống cỏ.+ Sau khi phạm sai lầm, không tự nhận tội mà phải để nhân dân kêu than với nhà trời.- Trong văn bản *Con trâu*:+ Ngọc Hoàng sai một vị thần gieo mười hạt giống và một nắm rễ.+ Sau khi mắc sai lầm, vị thần tự nhận lỗi lầm, và muốn chuộc tội.- Yếu tố miêu tả:+ vị thần cầm hạt giống tay trái, cầm rễ ở tay phải, in bóng lên tầng mây năm sắc rực rỡ, hình thù lộng lẫy, uy nghiêm với chiếc áo trắng bào màu đen bạc và chiếc mũ dát ngọc có hai cánh chuồn chuồn cong vút lên như mảnh trăng lưỡi liềm.+ đồi núi hoang vu, năm gối dài lên nhau, những bãi cát bao la, những cánh đồng khô nẻ, chỉ trơ toàn đá xám với đất nâu.+ cỏ mọc lên um tùm thành từng cánh đồng, thành từng ngàn, từng rừng ngun ngút.+ một vật lông xám đen, trên đầu có hai cái sừng dài, cong vút....- Yếu tố biểu cảm:+ Ngọc Hoàng cả giận.+ Vị thiên thần ăn năn, hối lỗi....- Phần mở đầu: giới thiệu bối cảnh, nhân vật chính của câu chuyện.- Phần diễn biến: lần lượt kể lại các sự việc 1,2,3,4.- Phần kết thúc: giải thích về sự tích con trâu.- Em rút ra được những lưu ý gì khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể: Khi kể chuyện có nhân vật, cốt truyện, bối cảnh phù hợp; Thể hiện được sự sáng tạo của người viết về nội dung truyện đã đọc. Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong khi kể chuyện.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời HS đại diện các nhóm trình bày nội dung từng phần **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Hướng dẫn phân tích văn bản mẫu*****\* Văn bản mẫu/Sgk*****1/ Tính sáng tạo của VB truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm sau:**- Có phần dẫn dắt của tác giả ở đầu VB.- Có sự thay đổi về ngôi kể chuyện từ góc nhìn thứ ba sang ngôi thứ nhất.- Kết hợp các yếu tố biểu cảm và miêu tả trong**2/ Yếu tố miêu tả kết hợp biểu cảm:**  (Sgk) **3/ VB trên đã đáp ứng yêu cầu về phần mở đầu, diễn biến, kết thúc vì:**- Mở đầu: Giới thiệu về lí do có câu chuyện *Con trâu*.- Diễn biến truyện: Các sự kiện chính xảy ra theo logic hợp lí, kết hợp giữa các yếu tố miêu tả và biểu cảm.- Kết thúc: Nhân vật đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng nên bị trừng phạt. |

**3. Hoạt động hướng dẫn quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được ý nghĩa của các bước trong quy trình viết.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt của HS (theo mẫu PHT).

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận.+ Để viết một bài kể chuyện sáng tạo gồm có mấy bước? Kể tên các bước. **Hoàn thành phiếu học tập sau:****PHIẾU HỌC TẬP: Quy trình viết bài văn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Tác dụng** |
| **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** |  |
| **Bước 2: *Tìm ý và lập dàn ý*** |  |
| **Bước 3: *Viết bài*** |  |
| **Bước 4: *Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏiHoàn thành bảng kiểm bên dưới:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Mở đầu truyện |  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |
| Diễn biến truyện |  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |
| Kết thúc truyện |  |   |   |
|  |   |   |
| Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện |  |   |   |
|  |   |   |
|  |   |   |

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứ. | **III. Hướng dẫn quy trình viết****Đề bài: (trang 117 sgk Ngữ văn 9 Tập 1): Viết một truyện kể sáng tạo với đề tài tự chọn, phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm****Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**Căn cứ vào tính mở của đề bài, em có thể chọn một truyện kể, truyện phimMà em đã đọc/đã xem theo sở thích. Lưu ý các tiêu chí lựa chọn:• Nội dung truyện phù hợp với thuần phong mĩ tục, có ý nghĩa giáo dục.• Nhân vật, cốt truyện không quá phức tạp, số trang viết vừa phải,...• Vừa sức và thuận lợi đối với việc phát huy sự sáng tạo của bản thân.**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**• Đọc kĩ truyện đã tìm, xác định chủ đề, đặc điểm nội dung, hình thức của truyện kể sẽ phỏng theo tóm tắt chuỗi sự kiện, nhân vật (theo dạng sơ đồ).• Trả lời một số câu hỏi dưới đây để định hướng cho việc viết lại thành văn bản truyện kể mới:- Với chủ để của truyện gốc, nên phát triển, khơi sâu một khía cạnh hay nắn lại chủ để theo một hướng nào khác?- Cần thay đổi các yếu tố hình thức của truyện theo hướng nào? (Nên bổ sung những gì vào cốt truyện, nhân vật, bối cảnh của truyện gốc? Nên thay đổi ngôi kể, cách kể chuyện hay không?...)- Đọc lại truyện “Con trâu”, đối chiếu với truyện kể dân gian về “Sự tích con trâu” để học cách viết truyện mô phỏng.Dựa vào dàn ý ở mục *Tri thức về kiểu văn bản* và những nội dung đã chuẩn bị được trong khâu tìm ý để lập dàn ý.**Bước 3: Viết bài**Viết văn bản dựa vào dàn ý đã lập; chú ý kết hợp trần thuật với miêu tả, biểu cảm.*Lưu ý:* Khi viết một truyện kể sáng tạo trên cơ sở phỏng theo một truyện đã đọc, em cần học tập cách hư cấu sáng tạo của các nhà văn. Ví dụ: Em có thể đối chiếu bài thơ *Sơn Tinh, Thủy Tinh* của Nguyễn Nhược Pháp với truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* hoặc đối chiếu bài thơ ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* của La Phông-ten với truyện ngụ ngôn *Chó sói và cừu non* của E-dốp,... và học cách sáng tạo của các tác giả dựa trên điểm tựa từ tác phẩm gốc.**Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**Đọc lại bài viết, sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá về kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo. Qua đó, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. |

**Bảng kiểm kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Mở đầu truyện | Giới thiệu nhân vật/bối cảnh/ nội dung chính của câu chuyện. |   |   |
| Có phần dẫn dắt lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người đọc. |   |   |
| Đảm bảo nội dung chính của truyện gốc. |   |   |
| Diễn biến truyện | Có nhân vật. |   |   |
| Có cốt truyện. |   |   |
| Sử dụn ngôi kể phù hợp. |   |   |
| Câu chuyện được thuật lại với sự kiện, diễn biến hợp lí. |   |   |
| Thể hiện sự sáng tạo của bản thân người viết (về nhân vật/ sự kiện/ tình huống, bối cảnh/ chi tiết...) |   |   |
| Kết hợp lời kể với lời miêu tả, biểu cảm. |   |   |
| Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính. |   |   |
| Nội dung truyện kể có ý nghĩa, có tính giáo dục. |   |   |
| Kết thúc truyện | Phù hợp với diễn biến câu chuyện. |   |   |
| Gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc. |   |   |
| Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện | Câu văn giàu hình ảnh. |   |   |
| Lời kể linh hoạt, tự nhiên. |   |   |
| Đảm bảo dung lượng khoảng 1000 chữ. |   |   |

**Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** HS nắm vững được các bước viết bài văn kể chuyện sáng tạo dựa trên một truyện đã học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn ý**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, chốt:**Nhiệm vụ 2:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV mời 2 HS đọc ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).- GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS đọc thông tin về ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.**Nhiệm vụ 3:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.- GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay. | **IV. Thực hành viết:****1. Trước khi viết****- Lựa chọn đề tài****2. Tìm ý, lập dàn ý.****3. Viết bài****4. Chỉnh sửa bài viết**Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý để chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo một số gợi ý sau:- Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp.- Rà soát xem bài viết đã chú ý chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.- Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào cần trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức và kỹ năng viết bài văn.

**b.Nội dung:**

**1/** Đề tài bài viết? Mục đích? Người đọc? Lựa chọn cách viết nào là phù hợp?

2/ Tìm ý, lập dàn ý: HS thảo luận nhóm 2

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:*****\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (1)***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** Cá nhân HS tìm câu trả lời.***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.***\*B4: Kết luận, nhận định*:*****\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (2)***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** Cá nhân HS tìm câu trả lời.***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***Viết thành bài văn dựa theo dàn ***ý******\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** Cá nhân HS tìm câu trả lời.***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***- Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét dựa vào bảng kiểm.***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS nhận xét bài của nhau***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.***\*B4: Kết luận, nhận định*:** - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **V. Luyện tập:****\* Đề bài/ Sgk****1/ Chuẩn bị trước khi viết****2/ Tìm ý, lập dàn ý** **3/ Viết bài****4/ Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng quy trình viết bài văn một truyện kể sáng tạo để tạo lập VB tự sự.

**b.** **Nội dung:**

Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

- Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.

- Chọn một vấn đề khác trong đời sống để viết bài mới và công bố.

**c.** **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

 **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện đúng thời gian quy định.

 **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân (ở nhà).

 **\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS nộp bài cá nhân.

 **\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 GV nhận xét bài làm của HS, tuyên dương những HS có tinh thần học tập tích cực, sáng tạo và chủ động. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Bài văn tham khảo**

Chuyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” thời nay

 Tác giả Dương Văn Ni

Không biết ông bà ngày xưa có ngụ ý gì mà đặt ra chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, là: “Vua Hùng muốn gả công chúa, nhưng hai người cầu hôn là Sơn Tinh và Thủy Tinh đều giàu có và tài năng ngang nhau.

Vì vậy, hẹn sáng mai, ai mang sính lễ đến trước thì vua sẽ gả con. Sơn Tinh đến trước nên cưới được công chúa làm vợ, còn Thủy Tinh đến trễ, nên tức giận làm bão tố ầm ầm, nước dâng ngập lụt. Nhưng Sơn Tinh tài giỏi hơn, hễ nước dâng đến đâu thì làm mặt đất cao đến đó, nên không hề hấn gì”.

Nhìn lại những gì đã và đang xảy ra ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong gần nửa thế kỷ qua, sao giống y hệt chuyện cổ tích ngày xưa. Chỉ có điều là con cháu Sơn Tinh ngày nay không có vẻ gì oai phong lẫm liệt như tổ tiên họ trong chuyện cổ tích, mà ngược lại là họ cứ bị thua xiểng niểng Thủy Tinh, hết phen này đến phen khác mới lạ!

Nói cho đúng thì hậu duệ của Sơn Tinh trước thập niên 60 vẫn còn oai phong lắm. Mặc dù năm nào Thủy Tinh cũng “mần” te tua: Ở miệt bưng, miệt ruộng thì có nơi nước ngập sâu ba bốn mét, mọi người tự cảnh báo với nhau là “rằm tháng Bảy (Âm lịch) nước nhảy khỏi bờ”, miệt vườn thì “năm Thìn bão lụt”, và miệt biển thì “năm nhuần, tháng hạn”.

Dĩ nhiên là họ chiến đấu với Thủy Tinh không mệt mỏi năm này qua năm khác, kéo dài hàng trăm năm qua, cũng để giữ cho được “nàng công chúa” ở đây chính là cây lúa.

Điều lý thú nhất là việc họ đặt tên cho các giống lúa, y hệt như tên vợ của mình, như: Giống với hạt có đuôi dài thì gọi là Nàng Chệt, hạt có đuôi nhưng ngắn hơn là Nàng Chệt Cụt, hạt có đuôi cong thì gọi Nàng Quớt, hay hạt có màu xẩm đen thì gọi là Nàng Chô, còn giống có mùi thì là Nàng Thơm, Nàng Hương…

Có tất cả khoảng bốn ngàn giống lúa như vậy ở ĐBSCL. Ở miệt bưng, nơi đó vào mùa mưa nước dâng cao cả gang tay một đêm như ở vùng Đồng Tháp Mười hay Tứ giác Long Xuyên thì có các giống lúa mùa nổi.

Hạt lúa giống được gieo lúc đất còn khô, để khi có mưa thì hạt lúa nẩy mầm, rễ ăn sâu vào trong đất, rồi khi nước đổ về thì cứ nước dâng tới đâu thì cây lúa ngoi lên tới đó, đến khi nước rút đi thì cây lúa dài đến ba bốn mét nằm rạp trên mặt đất và mỗi mắt lên một hai chồi mới để rồi sau đó các chồi này ra hoa kết hạt.

Miệt ruộng thì chỗ đất gò áp dụng kỹ thuật gieo mạ và cấy; chỗ đất lung thì sử dụng kỹ thuật cấy hai lần. Đầu tiên mạ được tỉa trên liếp cạn, rồi nhổ cấy xuống nước lần thứ nhất gọi là cấy giăm, sau đó mới bứng lên (bứng lúa cây) và đem cấy ra ruộng lần thứ hai.

Mục đích chính của việc cấy hai lần là làm cho cây mạ (lúa cây) cao giàn và cứng cáp hơn nhằm thích nghi với lớp nước trên ruộng lúc này đã sâu gần cả mét.

Miệt biển thì chỗ đất gò áp dụng kỹ thuật cày ải và sạ khô để tận dụng nước mưa, chỗ đất trũng thì kê liếp gieo mạ và cấy, nhưng có lẽ độc đáo nhất là mô hình lúa – tôm. Trong mùa khô thì cho nước biển vào ruộng, mang theo tôm cá và kết hợp để ém phèn, đến mùa mưa thì gieo mạ trên bờ, chờ nước mưa rửa hết mặn trong ruộng thì nhổ mạ cấy, sống hài hòa giữa hai nguồn nước mặn và nước ngọt.

Riêng miệt vườn thì không trồng lúa, đất được lên liếp, trồng toàn cây ăn trái. Mùa mưa cho nước ra vô ao vườn, để vừa rửa chua phèn và giữ lại phù sa trong ao. Đến cuối mùa khô, sên lớp phù sa mới bồi này lên mặt liếp, vừa cung cấp thêm dinh dưỡng tự nhiên vừa để “dụ” cho rễ cây ăn lên, nên vườn cây ăn trái có thể khai thác vài chục năm vẫn chưa bị cỗi.

Có thể thấy là trong bốn miệt này, dù chỉ trồng lúa hay cây ăn trái, thì hậu duệ Sơn Tinh chưa bao giờ tìm cách ngăn chặn dòng nước, ngọt cũng như mặn. Bởi vì họ hiểu dòng nước đó sẽ mang đi chất phèn mặn, mang đến tôm cá và đặc biệt là nguồn phù sa dồi dào hàng năm, vừa bồi bổ thêm dinh dưỡng tự nhiên, vừa nâng dần mặt đất lên mỗi năm thêm ba bốn phân, nên dù Thủy Tinh có hung hăng gây ra ngập lụt thì chuyện đó cũng chỉ xảy ra nhất thời mà thôi.

Về lâu dài, cùng với sự góp sức tích cực của các “nàng Lúa” thì Thủy Tinh chẳng thể nào uy hiếp được họ. Do đó, mà tiền nhân luôn căn dặn con cháu là không bao giờ được “ngăn sông, cấm chợ” là như vậy!

Nhưng rồi mối tình keo sơn giữa con cháu Sơn Tinh và các “nàng Lúa” đó đã bị thử thách. Từ những năm 1960, trong xu thế của cuộc cách mạng xanh toàn cầu, con cháu Sơn Tinh đã “thay lòng đổi dạ”, họ dần dần bỏ hết các “nàng Lúa”, thay vào đó là những cái tên lạ hoắc như IR5, IR8, IR42, IR504 …

Mấy “cô ả” nầy chảnh chọe không thể tưởng tượng được. Thứ nhất, tất cả đều lùn tịt, cao lắm thì cũng chỉ tròm trèm một mét; Thứ hai, ăn uống rất cầu kỳ, đòi hỏi thức ăn giàu dinh dưỡng hóa học, chế biến công nghiệp, lại hay trái gió trở trời nên cần không biết bao nhiêu loại thuốc bổ, dưỡng, sâu, rầy, dịch bệnh. Nhưng bù lại là các nàng này rất “mắn đẻ”, ngày xưa các “nàng Lúa” mỗi năm chỉ khai hoa nở nhụy có một lần vào lúc giáp Tết, còn các cô nàng mới nầy thì sinh sản quanh năm, nên người ta gọi là giống “cao sản”.

Cũng vì những đặc tính trái khoáy này, mà con cháu Sơn Tinh ở ĐBSCL phải chiều chuộng hết mức. Bắt đầu là chuyện đào kênh xẻ mương để tiêu úng xổ phèn trong những năm 1980, đắp cống đập ngăn nguồn nước mặn những năm chín mươi và khoanh đê bao khép kín ngăn hoàn toàn nước nổi những năm 2000.

Những nỗ lực đó đã làm cho Việt Nam “nở mày nở mặt” những năm đầu thế kỷ 21 và có lúc người ta còn lăm le soán ngôi đầu của Thái Lan về xuất khẩu gạo!

Nhưng rồi “cuộc tình” mới này mau chóng phai mất màu hồng. Bây giờ thì con cháu Sơn Tinh ở ĐBSCL luôn phải sống trong tâm trạng thấp thỏm lo âu. Năm nào Thủy Tinh dọa về sớm thì miệt bưng miệt ruộng của các tỉnh đầu nguồn như An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang phải thức trắng đêm tuần tra vì sợ bể đê bao.

Còn năm nào Thủy Tinh làm biếng không về thì miệt biển của các tỉnh duyên hải như Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang lại nơm nớp lo nước mặn xâm nhập sớm. Ngay cả những năm mà Thủy Tinh “hiền khô” như năm 2019, thì miệt vườn Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang cũng xính vính vì nước ngập thành phố, quốc lộ và vùng cây ăn trái.

Biến đổi khí hậu và sự khai thác không bền vững dòng sông Mêkông của các nước thượng nguồn càng tạo cho Thủy Tinh có thêm sức mạnh. Nhưng nếu là ngày trước, thì con cháu Sơn Tinh cùng các “nàng Lúa” ở ĐBSCL sẽ sống rất ung dung, nơi nào ngập sâu thì cất nhà sàn, nơi nào lâu lâu mới ngập thì cất nhà kê, nếu thấy nước lấp lé nền nhà thì chỉ việc kê thêm táng (cục đá) là xong. Đi lại thì có ghe xuồng, sinh hoạt cộng đồng thì có chợ nổi trên sông trên rạch, còn muốn vui chơi rình rang thì cứ việc đua ghe, đua bò, lo gì bị Thủy Tinh uy hiếp!

Hóa ra dù có “văn minh” hay “giàu có” đến đâu mà hiểu sai lời dạy của ông cha, thì hậu duệ của Sơn Tinh ngày nay khó mà thắng nổi Thủy Tinh, bởi vì ngay trong chuyện cổ tích cũng đã chỉ rằng: Để thắng được Thủy Tinh thì phải làm cho mặt đất cao lên chứ đâu có biểu là phải ngăn cản nguồn nước bằng mọi giá?

**Bài 4**

**CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**NÓI VÀ NGHE:**

**KỂ MỘT CÂU****CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**(1 Tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Cách kể một câu chuyện tưởng tượng.

- Kể tự nhiên, đảm bảo đầy đủ các yếu tố: bối cảnh, nhân vật, cốt truyện…

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

 - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

 - Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).

**3. Phẩm chất:**

 - Có khả năng tưởng tượng sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu:**

- Tri thức ngữ văn về kể chuyện tưởng tượng.

- Học liệu: một số tư liệu hoặc hình ảnh có liên quan đến câu chuyện tưởng tượng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1.Ổn đinh lớp:**

**2. Kiểm tra bà cũ:**

**3. Bài mới:**

 **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (3’)**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt được kiến thức nền về kĩ năng kể chuyện.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm về việc kể chuyện để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS về hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng kể lại câu chuyện tưởng tượng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS thảo luận về câu hỏi: Em đã từng kể lại câu chuyện nào đó cho người khác nghe chưa? Kể trong bối cảnh nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

 - Đại diện 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nghe, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV tổng hợp các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài học.

- Thông thường chúng ta thường kể lại cho người khác nghe những câu chuyện mà ta được đọc hoặc được nghe. Bên cạnh đó, để tăng thêm phần thú vị và làm nổi bật ý nghĩa của sự việc, người kể có thể tưởng tượng ra một câu chuyện dựa trên một sự việc có sẵn hoặc không có sẵn. Vậy, kể một câu chuyện tưởng tượng cần đảm bảo yêu cầu như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)**

 **Nhiệm vụ 1: So sánh điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng:**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được những điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng.

**b. Nội dung:**

- HS so sánh được hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Thông tin điền vào bảng yêu cầu đối với hai kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**HS đọc thông tin trong bước 1 trong SGK và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Kể một câu chuyện tưởng tượng** | **Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc** |
| **Giống nhau** | ................................................................................................................. |
| **Khác nhau** | ............................................ | ............................................................... |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- 2 – 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**GV tổng kết ý kiến của HS, kết luận dựa trên định hướng sau:– Điểm giống nhau giữa hai kiểu bài: Có bối cảnh (không gian, thời gian diễn ra câu chuyện); có cốt truyện (chuỗi hành động của các nhân vật); có nhân vật (con người, con vật, thần tiên, cây cối, đồ vật,...).– Điểm khác nhau giữa hai kiểu bài: Kể một câu chuyện tưởng tượng:Hoàn toàn do người kể sáng tạo; Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc:Dựa trên nội dung truyện gốc, thay đổi, điều chỉnh một số chi tiết, ngôi kể,... | **I. So sánh điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Kể một câu chuyện tưởng tượng** | **Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc** |
| **Giống nhau** | Có bối cảnh (không gian, thời gian diễn ra câu chuyện); có cốt truyện (chuỗi hành động của các nhân vật); có nhân vật (con người, con vật, thần tiên, cây cối, đồ vật,...). |
| **Khác nhau** | Hoàn toàn do người kể sáng tạo | Dựa trên nội dung truyện gốc, thay đổi, điều chỉnh một số chi tiết, ngôi kể,... |

 |

**Nhiệm vụ 2: Thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe:**

 **2.1. Xây dựng dàn ý cho câu chuyện:**

**a. Mục tiêu**:

- Phác thảo được dàn ý cho câu chuyện sẽ kể.

**b. Nội dung:**

- HS trao đổi thống nhất và bổ sung cho dàn ý đã chuẩn bị ở nhà.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Dàn ý cho câu chuyện tưởng tượng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**Nhóm 4HS thực hiện PHT. *Lưu ý: HS có thể kể lại câu chuyện dựa trên câu chuyện đã viết trong tiết học Viết hoặc kể lại một câu chuyện khác.*

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập: Xây dựng dàn ý cho câu chuyện tưởng tượng**1. Tên câu chuyện: …2. Bối cảnh, nhân vật, các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kểa. Bối cảnh- Không gian: …........................- Thời gian: ................................b. Các nhân vật: .........................c. Các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể:- Sự kiện thứ nhất: ........................- Sự kiện thứ hai: ...........................- Sự kiện thứ ba: ............................ |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:****-** Nhóm HS thực hiện xong nhiệm vụ (1) 🡪 (2).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- 2 – 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**-GV nhận xét sản phẩm của HS, điều chỉnh những nội dung chưa hợp lí (nếu có). | **II. Thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe:****Đề bài:**Hãy kể một câu chuyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng của em (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện) hoặc mô phỏng một truyện đã đọc.**1. Xây dựng dàn ý cho câu chuyện:**

|  |
| --- |
| **Dàn ý câu chuyện tưởng tượng**1. Tên câu chuyện: …2. Bối cảnh, nhân vật, các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kểa. Bối cảnh- Không gian: …........................- Thời gian: ................................b. Các nhân vật: .........................c. Các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể:- Sự kiện thứ nhất: ........................- Sự kiện thứ hai: ...........................- Sự kiện thứ ba: ............................ |

 |

**II. Thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe:**

 **2.2. Hoạt động kể chuyện**

**a. Mục tiêu**:

- Kể lại được câu chuyện tưởng tượng*.*

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**b. Nội dung:**

- HS kể được câu chuyện tưởng tượng kể bằng lời, lời nhận xét, góp ý cho cách kể của bạn.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Câu chuyện tưởng tượng được kể bằng lời, lời nhận xét, góp ý cho cách kể của bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)***-* Dựa trên dàn ý đã lập, kể lại câu chuyện bằng lời nói trong nhóm, sau đó đại diện nhóm lên bảng kể lại.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ trong nhóm 4, 5 HS, 1 HS kể, các HS khác nghe, góp ý dựa trên *Bảng kiểm kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng*.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- 2 HS đại diện cho 2 nhóm kể lại câu chuyện, các HS lắng nghe, góp ý dựa trên bảng kiểm.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**-GV nhận xét sản phẩm của HS, điều chỉnh những nội dung chưa hợp lí (nếu có).**VD: Bài viết dựa trên cốt truyện Rùa và Thỏ:** Ngày xửa ngày xưa, ở một khu rừng xa xôi, có một chú Khỉ và một chú Gấu sống gần nhau. Cả hai chú đều thích nhau và trở thành bạn thân. Một ngày, khi họ đang vui chơi, chú Khỉ và chú Gấu bắt đầu tranh cãi về việc ai mạnh mẽ hơn.Cuộc tranh cãi này dẫn đến một ý tưởng mới: cuộc thi thi đấu sức mạnh giữa chú Khỉ và chú Gấu. Cả hai đều đồng ý với cuộc thi và bắt đầu chuẩn bị. Bài kiểm tra của cuộc thi là đẩy một tảng đá lớn qua một con suối sâu.Chú Khỉ, do sự linh hoạt và nhanh nhẹn của mình, đã bắt đầu rất tốt. Anh ta nhảy lên tảng đá và cố gắng đẩy nó qua suối. Tuy nhiên, do sự nhẹ nhàng và khéo léo, chú Gấu đã đưa ra một chiến thuật khác: anh ta chen vào dưới tảng đá và đẩy nó lên từ phía dưới.Chú Khỉ, mặc dù có sức mạnh, nhưng không thể kiểm soát đối tượng lớn và không linh hoạt như chú Gấu. Cuộc đua diễn ra khá lâu và gặp không ít khó khăn, nhưng cuối cùng, chú Gấu với chiến thuật thông minh của mình đã đẩy tảng đá qua suối.Chú Gấu không chỉ chiến thắng cuộc thi, mà còn giành được sự tôn trọng của chú Khỉ. Chú Khỉ, sau khi nhận ra sự quan trọng của sự thông minh và sự kiên nhẫn, biết ơn chú Gấu và cả hai trở nên thân thiết hơn.Truyện này mang đến cho chúng ta bài học về sự quan trọng của sự thông minh và kiên nhẫn. Đôi khi, sức mạnh không chỉ đến từ cơ bắp mà còn từ khả năng nghĩ cách và kiên trì. | **II. Thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe:****Đề bài:**Hãy kể một câu chuyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng của em (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện) hoặc mô phỏng một truyện đã đọc.**2. Hoạt động kể chuyện:** |

**II. Thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe:**

 **2.3. Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm:**

**a. Mục tiêu**:

Rút ra được bài học kinh nghiệm về cách kể câu chuyện tưởng tượng.

**b. Nội dung:**

- HS trao đổi thống nhất và bổ sung cho dàn ý đã chuẩn bị ở nhà.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Câu trả lời và lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của GV- HS |  Dự kiến sản phẩm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**- HS trả lời câu hỏi: Rút ra hai bài học kinh nghiệm về cách kể câu chuyện tưởng tượng bằng lời nói. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***-* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Mời một số HS trình bày bài học kinh nghiệm, HS sau không lặp lại ý kiến của HS trước.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)***-* GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên ba phương diện:+ Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách kể một câu chuyện tưởng tượng. + Cách nhận xét, đánh giá việc kể lại một câu chuyện tưởng tượng (thông qua Bảng kiểm). + Cách HS lắng nghe và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác.  | **II. Thực hiện nhiệm vụ Nói và nghe:****Đề bài:**Hãy kể một câu chuyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng của em (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện) hoặc mô phỏng một truyện đã đọc.**3. Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm:** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (7’)**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

**b. Nội dung:**

 - HS tiếp tục nói trước tập thể theo đề bài trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn chỉnh câu chuyện tưởng tượng theo nhóm và nói trước tập thể lớp

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**

 - Kể một câu chuyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng của em (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện) hoặc mô phỏng một truyện đã đọc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

 - HS thực hiện hai nhiệm vụ được phân công.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

 - Các HS đóng vai người nghe trình bày phần ghi chép và nhận xét về tính thuyết phục của bài nói bằng bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

 - GV nhận định, tổng kết dựa trên ý kiến của HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (3’)**

**a. Mục tiêu:** Tự đánh giá kĩ năng nói và nghe.

**b.** **Nội dung:** HS thực hiện đánh giá qua PHT.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP: XÂY DỰNG DÀN Ý CHO CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**1. Tên câu chuyện: …2. Bối cảnh, nhân vật, các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kểa. Bối cảnh– Không gian: …...............................................................................................................– Thời gian: ......................................................................................................................b. Các nhân vật: ..............................................................................................................c. Các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể:– Sự kiện thứ nhất: ..............................................................................................................– Sự kiện thứ hai: ...............................................................................................................– Sự kiện thứ ba: ................................................................................................................ |

**c.** **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

 **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)** Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ cá nhân.

 **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Trình bày cá nhân.

 **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

4. Nhận xét, dặn dò: (3’)

GV nhận xét tiết học.

\* Đối với tiết học này:

- Xem lại bài “Kể một câu chuyện tưởng tượng”, bổ sung hoàn chỉnh lại câu chuyện. Tập kể nhiều lần để rèn kỹ năng kể chuyện.

\* Đối với tiết sau: Ôn tập: Hệ thống lại toàn bộ nội dung yêu cầu cần đạt của bài 4. Tập trả lời các câu hỏi trong bài ôn tập bài 4.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

***Bảng kiểm kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | ***Đạt*** | ***Chưa đạt*** |
| Mở đầu  | Chào hỏi người nghe |  |  |
| Giới thiệu ngắn gọn về bản thân |  |  |
| Nêu nhan đề câu chuyện sẽ kể |  |  |
| Tóm tắt nội dung truyện trong vài câu ngắn gọn (nếu cần) |  |  |
| Nội dung chính | Giới thiệu nhân vật/hoặc bối cảnh |  |  |
| Thuật lại các sự kiện, diễn biến câu chuyện theo quan hệ nhân quả hoặc quan hệ tiếp nối |  |  |
| Kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm |  |  |
| Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính |  |  |
| Kết thúc  | Kết thúc câu chuyện hợp lí |  |  |
| Nêu câu hỏi để người nghe tự rút ra ý nghĩa, chủ đề hay thông điệp từ câu chuyện |  |  |
| Cảm ơn người nghe |  |  |
| Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe | Sử dụng hình ảnh, từ ngữ, kiểu câu phù hợp |  |  |
| Sử dụng hợp lí các phương tiện phi ngôn ngữ |  |  |
| Có cách mở đầu và kết thúc ấn tượng, hấp dẫn |  |  |

**Bài 4. CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Sau khi học xong bài này, HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

 – Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

 – Năng lực sáng tạo: Hình thành qua việc có cảm nhận mới mẻ về nội dung ôn tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được yếu tố kì ảo và ý nghĩa của yếu tố kì ảo đối với các văn bản

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Biết vận dụng viết, kể câu chuyện có yếu tố kì ảo

**3. Phẩm chất:**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác; phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Bảng phụ.

**2. Học liệu:**

- Tri thức ngữ văn.

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung ôn tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn đinh lớp**

**2. Kiểm tra bà cũ**

**3. Bài mới**

 **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm văn học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

 **d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:

1. *Em hãy nhắc lại các văn bản văn học mang yếu tố kì ảo mà em biết?*
2. *Nhân dân ta ngày xưa đã sáng tạo ra những tác phẩm văn học mang yếu tố kì ảo nhằm mục đích gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận nhóm đôi sau đó trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV dẫn dắt vào bài: Chi tiết tưởng tượng, kì ảo là những chi tiết không có thật. Đó là những chi tiết có tính chất hoang đường, kì lạ. Nhân dân sáng tạo ra những chi tiết tưởng tượng, kì ảo nhằm dựng lên những câu chuyện thần kỳ, mục đích giải thích những sự kiện, sự việc chưa thể giải thích theo cách thông thường hoặc là để thần thánh hoá các nhân vật mà nhân dân ngưỡng mộ, tôn sùng. Hôm nay các em sẽ ôn lại để nắm kĩ hơn về chủ đề “Trong thế giới kì ảo”.

**HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: ÔN TẬP (30’)**

**1. Ôn tập văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập 1,2 3 đã thực hiện ở nhà.

***b. Nội dung:*** GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung từng câu hỏi theo nhóm đôi

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Câu 1/ SGK****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****Câu 1:** Kẻ bảng sau vào vở, liệt kê một số yếu tố kì ảo quan trọng và nêu tác dụng của nó trong các truyện *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế chọi.*HS xem lại phần chuẩn bị nội dung câu hỏi 1 đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**- GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.- Các HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.**Nhiệm vụ 2: Câu 2, 3/ SGK****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****Câu 2:** Vì sao trong truyện truyền kì (*như Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế chọi,..*) luôn cần đến yếu tố kì ảo?HS xem lại phần chuẩn bị nội dung câu hỏi 2,3 đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**- GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.- Các HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.****1. Ôn tập phần văn bản****\* Yếu tố kì ảo trong các văn bản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Yếu tố kì ảo** | **Tác dụng** |
| *Chuyện người con gái Nam Xương* | – Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, ... dưới thuỷ phủLinh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi– Việc lập đàn giải oan, cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt  | Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ |
| *Truyện lạ nhà thuyền chài* | – Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác trần gian – Hành động kì ảo: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân | – Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người– Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh |
| *Dế chọi* | Thế giới và nhân vật kì ảo:– Thầy bói chỉ cách bắt dế– Con dế kì lạ (không rõ là dế hay người)Tình tiết/ biến hoá kì ảo:– Người sắp chết nhập hồn hoá dế– Dế quý (lanh lẹ, chọi giỏi), cứu người, hoá người  | – Góp phần tô đậm tình cảnh cùng quẫn của dân chúng vì nạn dâng dế quý– Góp phần thể hiện số phận thăng trầm, "lên voi, xuống chó" của nhân vật là vì dế, nhờ dế |

**\* Truyện truyền kì cần cmột số yếu tố kì ảo vì:**– Thế giới truyền kì vốn là thế giới khác biệt với thế giới thực bởi tính kì ảo;– Sức hấp dẫn của truyện truyền kì là ở trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo yếu tố kì ảo;– Yếu tố kì ảo giúp tác giả thực hiện được lối nói “ngụ ngôn”, mượn chuyện xảy ra trong thế giới kì ảo để ám chỉ về thế giới thực mà tránh được những điều rắc rối, phiền phức.**\* Điểm giống nhau và khác nhau về cách đọc hiểu một truyện không có yếu kì ảo và truyện có yếu tố kì ảo:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách đọc** | **Truyện không sử dụng yếu tố kì ảo** | **Truyện sử dụng yếu tố kì ảo** |
| Giống nhau | Tìm hiểu bối cảnh, bố cục, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, chủ đề,... |
| Khác nhau | - Thường nhắm đến việc phản ánh và thảo luận về các vấn đề xã hội, tâm lý, hoặc những khía cạnh khác của cuộc sống thực.- Nhân vật và sự kiện thường phản ánh cuộc sống thực, với tính cách, đặc điểm và sự phát triển tương đối hiện thực và hợp lý. | - Có thể mang lại những thông điệp sâu sắc về tình cảm, sự sống còn, và giá trị của sự kỳ bí trong cuộc sống.- Nhân vật thường có khả năng siêu nhiên, và các sự kiện thường là những điều kỳ diệu, phép thuật, hoặc những sự kiện không thể giải thích bằng logic thường ngày. |

 |

**2. Ôn tập thực hành tiếng việt**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày phần chuẩn bị câu hỏi 4 đã thực hiện ở nhà.

***b. Nội dung:*** GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung câu hỏi làm việc cá nhân.

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**– GV cho HS đọc lại mục *Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu*, chỉ ra sự khác biệt qua định nghĩa và cách sử dụng dấu câu (phần dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép; phần dẫn gián tiếp thường dùng kèm các từ "*rằng*", "*là*",... và không được đặt trong ngoặc kép).**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**– HS tự lấy ví dụ và chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách trích dẫn trong các ví dụ này.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**- GV gọi 3,4 học sinh bất kỳ trình bày lên bảng .- Các HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm, yêu cầu HS hoàn chỉnh nội dung vào tập. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.****2. Ôn tập phần thực hành tiếng việt**Phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp :- Lời dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và đặt trong dấu ngoặc kép.Ví dụ: Tục ngữ có câu: "Lá lành đùm lá rách"- Lời dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói hay ý nghĩa của người hoặc nhân vật có điều chỉnh thích hợp và không đặt trong dấu ngoặc kép.Ví dụ: Lan bảo ngày mai bạn ấy không đến được. |

**3. Ôn tập Viết, nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày phần chuẩn bị câu hỏi 5,6 đã thực hiện ở nhà.

***b. Nội dung:*** GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung câu hỏi theo nhóm đôi.

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**– GV tổ chức lớp theo 4 nhóm:+ Nhóm 1,3 chuẩn bị trả lời câu 5: *Theo em, điều quyết định thành công trong việc viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng một truyện kể đã đọc là gì?*+ Nhóm 2, 4chuẩn bị trả lời câu 6:*Nêu một số điểm cần ghi nhớ khi kể lại một câu chuyện mô phỏng lại truyện đã đọc.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà cùng ác bạn trong nhóm.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**- GV gọi bất kỳ hs các nhóm trình bày nội dung theo yêu cầu.- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm, yêu cầu HS hoàn chỉnh nội dung vào tập. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.****3. Ôn tập phần viết, nói và nghe****\* Câu 5:** Theo em, khả năng đưa thêm yếu tố mới, ý tưởng sáng tạo vào câu chuyện để làm cho nó trở nên độc đáo và khác biệt. Điều này có thể bao gồm việc thay đổi tình tiết, nhân vật, hoặc thậm chí là thế giới xung quanh câu chuyện.**\* Câu 6**: Một số ghi nhớ:- Hiểu sâu, hiểu đúng về tác phẩm đã có- Biến đổi nhân vật, tình tiết, và diễn biến theo cách của riêng để tạo ra một câu chuyện mới và độc đáo.- có thể thay đổi cốt truyện để làm cho nó phù hợp với cái nhìn hoặc thông điệp riêng- Mặc dù đang thực hiện sự sáng tạo, nhưng hãy cố gắng giữ nguyên tinh thần hoặc thông điệp cơ bản của câu chuyện gốc.  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:***

– Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

– HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Truyện truyền kì.*

***b. Nội dung:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

 ***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS các câu hỏi trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*****GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi luyện tập***1. *Những câu chuyện kì lạ về con người trong thế giới kì ảo có thể mang lại cho ta những bài học gì?* *2. Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Cá nhân HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.- GV theo dõi, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**- HS trình bày câu trả lời trước lớp. - Các HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. | **III. LUYỆN TẬP**1. Yếu tố kì ảo là cầu nối để đưa ta vào thế giới chưa biết, huyền diệu và bí ẩn trong trí tưởng tượng, vào những giấc mơ không có thật. Nó đem đến cảm giác mới lạ cho người đọc, mở ra một chân trời mới của sức tưởng tượng bay bổng. Mặt khác nó khiến con người không quay đi với đời sống thực tại mà luôn sẵn sàng đối diện, nhận thức đời sống một cách sâu sắc hơn.2. Biết cảm thông, chia sẻ với người khác; hiểu thêm về số phận, nhân cách của con người trước khó khăn, thử thách; biết kể một câu chuyện theo trí tưởng tượng; phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:***

– Củng cố được kiến thức đã học về viết để viết đoạn văn theo yêu cầu.

***b. Nội dung:*** GV yêu cầu HS viết đoạn văn để củng cố kiến thức bài học.

 ***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn theo sự hiểu biết và sáng tạo của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV-HS** |  **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*****- GV yêu cầu HS viết đoạn văn (thực hiện ở nhà và gởi vào nhóm )******- GV gợi ý những ý chính, yêu cầu HS làm bài gởi vào nhóm, GV sửa bài và chấm điểm trên nhóm cho HS.****Viết một đoạn văn ghi lại bài học em rút ra được từ một trong những văn bản đã học***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Cá nhân HS hoàn thành đoạn văn ở nhà và trình bày trước lớp ở tiết học sau**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**- HS trình bày đoạn văn trước lớp. - Các HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**GV nhận xét, góp ý và tuyên dương bài làm hoàn chỉnh của học sinh ở tiết học sau. | **IV. VẬN DỤNG**Học sinh viết một đoạn văn ghi lại bài học em rút ra được từ một trong những văn bản đã học.Gợi ý:- Giới thiệu văn bản đã học- Nêu bài học mà em rút ra, em cảm thấy đáng để học hỏi- Nêu cảm nhận bản thân khi em học được bài học đó- Tổng kết  |

4. Nhận xét, dặn dò:

GV nhận xét tiết học.

\* Đối với tiết học này:

- Nhận biết được yếu tố kì ảo và ý nghĩa của yếu tố kì ảo đối với các văn bản

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Biết vận dụng viết, kể câu chuyện có yếu tố kì ảo

\* Đối với tiết sau:

Chuẩn bị bài 5: Khát vọng công lí

- Nhận biết và phân tích một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại,…

Tìm hiểu văn bản 1: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

Soạn và trả lời câu hỏi suy ngẫm và phản hồi trang 123/SGK

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gởi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật văn bản;

- Phân tích một số căn cứ để xác định chủ đề.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….